

10/12/08

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2007

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia**

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia về hoạt động xây dựng và thực hiện kế hoạch, cơ chế quản lý ngân sách dự trữ quốc gia; xây dựng hệ thống cơ sở vật chất - kỹ thuật để quản lý dự trữ quốc gia; điều hành nhập, xuất, bảo quản, bảo vệ hàng dự trữ quốc gia.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, tổ chức quản lý, điều hành dự trữ quốc gia.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Kế hoạch và dự toán ngân sách dự trữ quốc gia

1.1. Kế hoạch dự trữ quốc gia

Việc xây dựng kế hoạch dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 12 Pháp lệnh Dự trữ quốc gia và Điều 7 Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia (sau đây gọi là Nghị định 196/2004/NĐ-CP); một số nội dung cụ thể như sau:

- Kế hoạch tổng hợp nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia hàng năm bao gồm mức dự trữ (số lượng và giá trị từng mặt hàng), số lượng và giá trị nhập, xuất và tồn kho cuối kỳ (*Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này*).

- Kế hoạch tăng hàng dự trữ quốc gia bao gồm số lượng và giá trị các mặt hàng cần nhập bổ sung đưa vào dự trữ trong năm kế hoạch, chi tiết từng mặt hàng theo quy cách, ký mã hiệu (*Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư này*).

- Kế hoạch giảm hàng dự trữ quốc gia bao gồm số lượng và giá trị các mặt hàng cần giảm do không còn nhu cầu tiếp tục dự trữ hoặc do thay đổi yêu cầu về số lượng, danh mục hàng dự trữ quốc gia trong năm kế hoạch, chi tiết từng mặt hàng theo quy cách, ký mã hiệu (*Phụ lục số 3 kèm theo Thông tư này*).

- Kế hoạch luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia bao gồm danh mục, số lượng, giá trị những mặt hàng cần nhập, xuất luân phiên đổi hàng, chi tiết từng mặt hàng theo quy cách, ký mã hiệu. Trường hợp thay đổi danh mục hoặc quy cách mặt hàng nhập so với mặt hàng đến hạn xuất luân phiên đổi hàng thì phải nêu rõ lý do. Trong quá trình triển khai thực hiện, cần thay đổi mặt hàng so với kế hoạch thì Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phải thuyết minh rõ lý do, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định (*Phụ lục số 4 kèm theo Thông tư này*).

- Kế hoạch đầu tư phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật: Căn cứ quy hoạch hệ thống kho đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập kế hoạch đầu tư xây dựng mới kho chứa hàng dự trữ bảo đảm yêu cầu thiết kế, xây dựng phù hợp với công nghệ bảo quản tiên tiến, hiện đại đối với từng loại hàng; thanh lý những kho không nằm trong quy hoạch, kho cũ, lạc hậu kỹ thuật, không bảo đảm việc bảo quản hàng dự trữ quốc gia.

- Căn cứ nhiệm vụ được giao, Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm rà soát danh mục mặt hàng, tổng mức dự trữ quốc gia, xây dựng kế hoạch dự trữ quốc gia hàng năm gửi cơ quan có thẩm quyền trước ngày 10/7 hàng năm để tổng hợp trình Chính phủ theo quy định.

1.2. Lập, phân bổ và giao dự toán về dự trữ quốc gia

- Cùng với việc lập kế hoạch dự trữ quốc gia, Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia lập dự toán ngân sách về dự trữ quốc gia hàng năm bao gồm dự toán thu từ bán hàng dự trữ quốc gia, dự toán chi tăng dự trữ quốc gia và dự toán chi hoạt động dự trữ quốc gia, tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của Bộ, ngành mình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp dự toán ngân sách cho dự trữ quốc gia trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

- Căn cứ quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giao kế hoạch và dự toán ngân sách dự trữ quốc gia, Thủ trưởng Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phân bổ, giao kế hoạch, dự toán ngân sách nhà nước cho các Đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc và tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện; trường hợp trong năm phát sinh các nhiệm vụ đột xuất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện bổ sung dự toán ngân sách theo quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

2. Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia

2.1. Nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia

a) Nhập, xuất, luân phiên đổi hàng dự trữ quốc gia theo kế hoạch thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 196/2004/NĐ-CP.

b) Nhập, xuất sử dụng hàng dự trữ quốc gia theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong các trường hợp: phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh; đáp ứng yêu cầu đảm bảo quốc phòng, an ninh; tham gia bình ổn thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô; đáp ứng yêu cầu đặc biệt về viện trợ, cho vay, trả nợ trong quan hệ đối ngoại hoặc để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, bức thiết khác của Nhà nước.

c) Nhập, xuất sử dụng hàng dự trữ quốc gia theo uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 10; nhập, xuất trong các trường hợp khác quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định 196/2004/NĐ-CP bao gồm:

- Nhập, xuất cấp ngay hàng dự trữ quốc gia để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ an ninh đảm bảo trật tự an toàn xã hội; quốc phòng; phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn; phòng, chống dịch bệnh có nguy cơ bùng phát.

- Nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia phục vụ cơ yếu bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Nhập, xuất trong các trường hợp đột xuất, bức thiết khác.

Sau khi thực hiện việc xuất kho đối với các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c trên đây, các Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia phải báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định nhập bù lại quỹ dự trữ quốc gia ngay trong năm đã xuất hàng.

d) Trường hợp tạm xuất hàng dự trữ quốc gia là máy móc, thiết bị, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phát sinh theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định 196/2004/NĐ-CP: khi nhận được quyết định hoặc lệnh xuất hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền (bằng văn bản gốc, công điện hoặc Fax), Thủ trưởng Đơn vị dự trữ quốc gia thực hiện ngay các thủ tục xuất hàng theo quy định. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, đơn vị nhận,

sử dụng hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm thu hồi, bảo dưỡng kỹ thuật và giao lại cho Đơn vị dự trữ quốc gia đã xuất hàng để làm thủ tục nhập kho, bảo quản dự trữ quốc gia theo quy định, đảm bảo đúng nguyên tắc xuất hàng ở nơi nào thì nhập lại hàng nơi ấy. Khi nhập lại kho, Đơn vị dự trữ quốc gia xuất hàng cùng đơn vị nhận hàng phối hợp với cơ quan có chức năng kiểm tra, giám định chất lượng hàng hoá theo quy định của pháp luật và các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng để kiểm tra, đánh giá chất lượng và báo cáo kết quả về Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia. Trường hợp máy móc, thiết bị, phương tiện sau khi thu hồi không đảm bảo chất lượng để tiếp tục dự trữ thì Thủ trưởng Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia xử lý theo hướng dẫn tại tiết 3.1 Mục II Thông tư này.

2.2. Phương thức mua, bán hàng dự trữ quốc gia

Phương thức mua, bán hàng dự trữ quốc gia quy định tại Điều 24 Pháp lệnh Dự trữ quốc gia; điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 196/2004/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Trường hợp đấu thầu mua hàng dự trữ quốc gia hoặc mua bổ sung hợp đồng đối với gói thầu có nội dung tương tự được ký trước đó không quá sáu tháng được thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn Luật Đấu thầu. Thủ trưởng Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia thực hiện uỷ quyền, phân cấp cho các Đơn vị dự trữ quốc gia trực thuộc thực hiện theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp đấu giá bán hàng dự trữ quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản nhà nước. Thủ trưởng đơn vị có hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá có trách nhiệm ký hợp đồng uỷ quyền bán đấu giá với tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản nhà nước thực hiện. Trường hợp tổ chức có chức năng bán đấu giá từ chối hoặc không đáp ứng được yêu cầu bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia theo quy định, thì Đơn vị dự trữ quốc gia nơi có hàng dự trữ quốc gia bán đấu giá trình Thủ trưởng Bộ, ngành hoặc Cục trưởng Cục dự trữ quốc gia thành lập Hội đồng bán đấu giá của đơn vị để tổ chức bán đấu giá hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật. Chi phí bán đấu giá được tính trong dự toán ngân sách chi cho công tác quản lý dự trữ quốc gia giao cho Đơn vị dự trữ quốc gia.

c) Trường hợp mua, bán hàng dự trữ quốc gia không theo phương thức đấu thầu, đấu giá thì cơ quan, đơn vị dự trữ quốc gia phải thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quản lý dự trữ quốc gia, ký kết hợp đồng kinh tế, chế độ hóa đơn, chứng từ...

d) Việc xây dựng phương án giá, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giá gói thầu trong đấu thầu mua hàng, giá khởi điểm trong đấu giá bán hàng, giới hạn giá tối đa mua hàng, giới hạn giá tối thiểu bán hàng hoặc

mức giá cụ thể trong mua, bán hàng dự trữ quốc gia thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đấu giá tài sản, Pháp lệnh Giá, Pháp lệnh Dự trữ quốc gia và các quy định có liên quan của Nhà nước.

3. Xử lý hàng dự trữ quốc gia giảm phẩm chất, hao hụt, hư hỏng hoặc bị mất

3.1. Đối với hàng giảm phẩm chất

- Khi phát hiện hàng dự trữ quốc gia bị giảm phẩm chất, Thủ trưởng Đơn vị dự trữ quốc gia chỉ đạo áp dụng biện pháp ngăn chặn ngay để hạn chế thiệt hại; lập biên bản, kiểm tra, xác định hàng dự trữ quốc gia giảm phẩm chất, làm rõ nguyên nhân, xác định trách nhiệm (*Phụ lục số 5 kèm theo Thông tư này*); đồng thời thực hiện việc phục hồi, bảo dưỡng, sửa chữa bảo đảm đủ chất lượng hàng dự trữ quốc gia để nhập lại kho; trường hợp phục hồi, bảo dưỡng, sửa chữa vẫn không bảo đảm đủ chất lượng hàng dự trữ quốc gia, thì Đơn vị dự trữ quốc gia báo cáo Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia đề nghị với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình Thủ tướng Chính phủ cho phép xuất cấp sử dụng hoặc xuất bán để mua bù hàng mới.

- Thủ trưởng Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm tổ chức rà soát, kiểm tra niên hạn sử dụng của hàng dự trữ quốc gia trong kho, lập kế hoạch xuất kho trước ít nhất một năm so với niên hạn sử dụng, đảm bảo hàng dự trữ quốc gia xuất ra không quá niên hạn sử dụng.

Trường hợp đặc biệt, hàng dự trữ quốc gia quá niên hạn sử dụng hoặc bị giảm phẩm chất không còn sử dụng được phải tiêu huỷ như: thuốc y tế, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng...; căn cứ vào báo cáo của Đơn vị dự trữ quốc gia, Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia kiểm tra, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm, phương án xử lý, đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xử lý. Căn cứ quyết định xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Thủ trưởng Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia thực hiện xử lý hàng dự trữ quốc gia theo đúng quy định của pháp luật; ra quyết định buộc người gây thiệt hại (nếu có) phải bồi thường; quyết định giảm vốn hoặc đề nghị Bộ Tài chính xử lý giảm vốn theo hướng dẫn tại tiết 3.3 Mục II Thông tư này.

Việc lập biên bản kiểm tra, xác định hàng dự trữ quốc gia giảm phẩm chất, thành lập Hội đồng xử lý tài sản dự trữ quốc gia và thủ tục, trình tự xử lý hàng dự trữ quốc gia giảm phẩm chất thực hiện như đối với hàng dự trữ quốc gia hao hụt, hư hỏng hoặc bị mất tại tiết 3.2 Mục II Thông tư này.

3.2. Hàng hao hụt, hư hỏng, hoặc bị mất

a) Hàng dự trữ quốc gia hao hụt trong quá trình bảo quản bằng hoặc dưới tỷ lệ định mức hao hụt quy định thì Bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc